

Bản án số: 485/2023/DS-ST.
Ngày: 29/9/2023.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GV, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Đặng Đình Tiến.

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Minh Thanh.
- Ông Võ Thành Viên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận GV.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận GV tham gia phiên tòa:**

Bà Lê Thị Thu Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận GV, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 387/2023/TLST-DS, ngày 28/06/2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 537/2023/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 8 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số 469/2023/QĐST-DS, ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty X.

Trụ sở chính: Đường CMT8, phường BT, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền bà N.T.T.D.

(Văn bản ủy quyền số 06/2023/POA ngày 19/6/2023)

(Bà Dương có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông T.V.S, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 1xx đường NVL, Phường X, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông S vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2023, nguyên đơn Công ty X (sau đây gọi tắt là Công ty) và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà N.T.T.D trình bày:

Ngày 01/7/2013, Ông T.V.S và Công ty A có ký kết Hợp đồng tín dụng các nhân số 10494844 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”).

Ông S sau khi rút vốn, từ ngày 01/7/2013 đến ngày 01/3/2016 vẫn thanh toán đầy đủ. Theo hợp đồng, các đợt thanh toán là ngày 01 hàng tháng. Tuy nhiên, ngày 01/4/2016 bị đơn ngừng thanh toán. Do đó bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01/4/2016, CÔNG TY A đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Từ ngày rút vốn đến thời điểm CÔNG TY A chuyển nhượng cho công ty. Bị đơn đã thanh toán cho CÔNG TY A tổng số tiền là 100.288.769 đồng (trong đó: nợ gốc trong hạn là 56.739.969 đồng; nợ lãi trong hạn là 43.548.800 đồng).

Ngày 09/9/2022, CÔNG TY A ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/Collection-CÔNG TY A với CÔNG TY X. Theo thỏa thuận, CÔNG TY A đã chuyển nhượng cho công ty nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm Hợp đồng tín dụng số 10494844 của bị đơn. Sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, công ty có toàn quyền thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Tính đến thời điểm chuyển nhượng, tổng dư nợ còn lại là 56.794.782 đồng, trong đó:

- + Nợ gốc quá hạn: 13.260.031 đồng.
- + Nợ lãi quá hạn: 755.400 đồng.
- + Lãi phạt chậm thanh toán: 42.799.351 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên và cả thời gian sau khi khoản nợ của ông S đã được chuyển sang công ty, mặc dù công ty đã thông báo, đơn đốc, yêu cầu bị đơn trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo cam kết đã ký tại Hợp đồng tín dụng, nhưng đến thời điểm hiện nay bị đơn thể hiện việc thiếu hợp tác trong quá trình làm việc chậm trả nợ và trì hoãn việc thực hiện các nghĩa vụ.

Tính đến ngày 09/9/2022, tổng số tiền mà ông S còn nợ công ty là 56.794.782 đồng, trong đó:

- + Nợ gốc quá hạn: 13.260.031 đồng.
- + Nợ lãi quá hạn: 755.400 đồng.
- + lãi phạt chậm thanh toán: 42.779.351 đồng.

CÔNG TY X yêu cầu bị đơn Ông T.V.S phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho CÔNG TY X với tổng số tiền là 56.794.782 đồng, trong đó:

- + Nợ gốc quá hạn: 13.260.031 đồng.
- + Nợ lãi quá hạn: 755.400 đồng.
- + Lãi phạt chậm thanh toán: 42.779.351 đồng.

Bị đơn Ông T.V.S, theo kết quả xác minh của công an Phường X, quận GV có nội dung: Ông S không đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú và không thực tế cư trú tại địa chỉ đường NVL, Phường X, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay ông S đã đi đâu không rõ. Tuy nhiên tại hợp đồng tín dụng đã ký, ông S ghi địa chỉ cư trú tại số 1xx đường NVL. Hiện nay ông S không còn cư trú tại địa chỉ nêu trên là thuộc trường hợp cô tình dấu địa chỉ cư trú, do đó Tòa án đã niêm yết Giấy triệu tập ông S tại địa chỉ nêu trên đến Tòa án ghi lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận GV:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông S phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ cho nguyên đơn số tiền là 56.794.782 đồng theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện ông S về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Nơi cư trú cuối cùng của ông S tại quận GV. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận GV theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Ông S đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S là đúng với thủ tục được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ lời trình bày của đại diện nguyên đơn: “Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10494844 ngày 01/7/2013; Phiếu đề nghị vay tiêu dùng cá nhân ngày 19/6/2013;

Phiếu yêu cầu giải ngân” giữa ông S và Công ty A có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện từ ngày 01/7/2013 ông S có sử dụng thẻ tín dụng của Công ty để thanh toán. Tuy nhiên, ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể ngày 01/4/2016 đã không thanh toán số tiền gốc và lãi phải trả. Như vậy, ông S đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Ngày 09/9/2022, CÔNG TY A ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/Collection-CÔNG TY A với Công ty. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông S phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty tiền gốc và tiền lãi là có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp với quy định tại các Điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của nguyên đơn về việc không tiếp tục tính lãi đối với khoản vay của ông S.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông S phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền: 56.794.782 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này có cơ sở nên chấp nhận.

Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận GV.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 280, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty X đối với Ông T.V.S:

Buộc Ông T.V.S phải trả cho Công ty X số tiền 56.794.782 đồng (Năm mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi tư ngàn bảy trăm tám mươi hai) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

Ông T.V.S phải chịu 2.839.739 (Hai triệu tám trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm ba mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.419.870 (Một triệu bốn trăm mười chín ngàn tám trăm bảy mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/001895 ngày 27/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- | | |
|--|------|
| - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; | (01) |
| - Viện kiểm sát nhân dân quận GV; | (01) |
| - Chi cục Thi hành án dân sự quận GV; | (01) |
| - Các đương sự; | (02) |
| - Lưu: Văn phòng, hồ sơ. | (5) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đình Tiến